

Số: 836 /NĐND-KHĐT-VT

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 7 năm 2026

V/v mời báo giá Gói cung cấp: Cung cấp vật tư,  
dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty  
Nhiệt điện Na Dương - TKV

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp  
tác tới Quý đơn vị.

Để có cơ sở lựa chọn nhà cung cấp có năng lực phù hợp, Công ty Nhiệt  
điện Na Dương - TKV trân trọng mời các nhà cung cấp quan tâm, có đủ năng  
lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cho gói cung cấp nêu trên theo các nội  
dung sau:

**1. Nội dung yêu cầu của Hồ sơ báo giá**

*(Bản yêu cầu báo giá đính kèm theo).*

**2. Thời gian và địa chỉ nhận Hồ sơ báo giá**

- Thời gian nhận Hồ sơ báo giá: Trước 10 giờ 00 phút, ngày 24/7/2026.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ:  
Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax:  
02053.844.132; E-mail: [naduong@vinacominpowers.vn](mailto:naduong@vinacominpowers.vn) và E-mail:  
[kehoachndpc@gmail.com](mailto:kehoachndpc@gmail.com)).

**Lưu ý:**

- Bản báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp dịch vụ ký tên,  
đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được uỷ quyền của đại diện hợp  
pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy uỷ quyền hoặc quyết định giao việc hoặc  
văn bản tương đương (nếu có);

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được đựng trong cùng một  
phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về phòng KH-ĐT-VT, Công ty  
Nhiệt điện Na Dương - TKV, Thôn 4, Xã Na Dương, Tỉnh Lạng Sơn. Điện thoại:  
02053.844.

- Thời hạn kết thúc nhận hồ sơ báo giá: Trước 10 giờ 00 phút, ngày  
24/7/2026.

- Thời gian mở Hồ sơ báo giá: 10 giờ 30 phút, ngày 24/7/2026. Việc mở  
Hồ sơ báo giá không phụ thuộc vào sự có hay không có mặt của đại diện nhà



cung cấp. Biên bản mở Hồ sơ báo giá sẽ được bên mời cung cấp gửi đến nhà cung cấp ngay sau khi kết thúc mở Hồ sơ báo giá bằng đường bưu điện hoặc qua email.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để p/h);
- Lưu: VT, KHĐTVT, LĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Việt Anh**



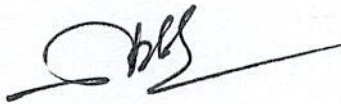
# BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói cung cấp: **Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV**

Phát hành ngày: **Theo thông báo mời nhà cung cấp**

Ban hành kèm theo Quyết định: **Số: 448 /QĐ-NĐND ngày 16 /7/2026 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV**

Tổ Chuyên gia  
**TỔ TRƯỞNG**



**Nguyễn Đức Dương**

Bên mời nhà cung cấp  
**Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV**



**Phạm Đức Tuyên**

## MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá báo giá

Chương III. Biểu mẫu

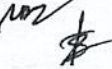
Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp

Chương V. Dự thảo hợp đồng

*[Handwritten signatures and marks]*

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bên mời nhà cung cấp</b>       | Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Gói cung cấp</b>               | Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV                                                                                                                                                                      |
| <b>Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV</b> | Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV) |
| <b>BYCBG</b>                      | Bản yêu cầu báo giá                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>HSBG</b>                       | Hồ sơ báo giá                                                                                                                                                                                                                                                    |

## Chương I

### CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

#### Mục 1. Phạm vi gói cung cấp

1. Bên mời nhà cung cấp (Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV) mời nhà cung cấp nộp HSBG gói cung cấp được mô tả tại Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.

- Tên gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói cung cấp: Chi phí SXKD năm 2026.

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

#### Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:

1. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Hạch toán tài chính độc lập.

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

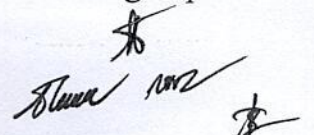
#### Mục 3. Làm rõ, sửa đổi BYCBG, khảo sát hiện trường

##### 1. Làm rõ BYCBG

Trong trường hợp cần làm rõ BYCBG, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời nhà cung cấp muộn nhất vào 20.../7/2026. Khi nhận được đề nghị làm rõ BYCBG của nhà cung cấp, bên mời nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã mua hoặc nhận BYCBG từ bên mời nhà cung cấp, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi BYCBG thì bên mời nhà cung cấp tiến hành sửa đổi BYCBG theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

##### 2. Sửa đổi BYCBG

Trường hợp sửa đổi BYCBG, bên mời nhà cung cấp sẽ gửi nhà cung cấp



không muộn hơn ngày .22. /7/2026.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSBG, bên mời nhà cung cấp có thể gia hạn thời điểm nộp HSBG quy định tại khoản 1 Mục 9 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi BYCBG.

### 3. Khảo sát hiện trường

Nhà cung cấp được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSBG. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà cung cấp tự chi trả. Nhà cung cấp cần liên hệ trước với bên mời nhà cung cấp để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

### Mục 4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong HSBG

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình nộp HSBG.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSBG cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSBG được trao đổi giữa bên mời nhà cung cấp và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSBG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời nhà cung cấp có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

### Mục 5. Thành phần của HSBG

HSBG do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu;
5. Các nội dung khác yêu cầu trong BYCBG (nếu có).

### Mục 6. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của BYCBG.
2. Nhà cung cấp phải nộp HSBG cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời cung cấp” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có

trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong BYCBG và không được thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các gói cung cấp cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả gói cung cấp. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSBG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSBG. Thư giảm giá sẽ được bên mời nhà cung cấp bảo quản như một phần của HSBG.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSBG. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSBG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

### **Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSBG**

1. Thời gian có hiệu lực của HSBG là 60 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp HSBG. HSBG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSBG, bên mời nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSBG. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì HSBG của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSBG.

### **Mục 8. Quy cách HSBG**

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc HSBG, đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ là “HỒ SƠ BÁO GIÁ”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSBG thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc. Trên trang bìa của các hồ sơ ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

3. Tất cả các thành phần của HSBG nêu tại Mục 5 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký HSBG.

### **Mục 9. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSBG**

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi HSBG theo đường bưu điện đến

địa chỉ của bên mời nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm nộp HSBG là trước 10 giờ 00 phút, ngày 24/7/2026.

2. Bên mời nhà cung cấp sẽ tiếp nhận HSBG của nhà cung cấp nộp HSBG trước thời điểm hết hạn nộp HSBG. Trường hợp nhà cung cấp nộp HSBG sau thời điểm hết hạn nộp HSBG thì HSBG bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại HSBG bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời nhà cung cấp trước thời điểm hết hạn nộp HSBG.

Trước thời điểm hết hạn nộp HSBG, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSBG thì nhà cung cấp nộp HSBG thay thế hoặc HSBG sửa đổi cho bên mời nhà cung cấp với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 8 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

#### **Mục 10. Làm rõ HSBG**

1. Sau khi nhận HSBG, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSBG theo yêu cầu của bên mời nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời nhà cung cấp trong ngày 24/7/2026. Bên mời nhà cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSBG.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSBG đã nộp và không thay đổi giá chào.

#### **Mục 11. Đánh giá HSBG và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá HSBG được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSBG. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất, không vượt giá trị dự toán gói cung cấp thì được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSBG và các tài liệu làm rõ HSBG (nếu có) của nhà cung cấp.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG;

b) Trong quá trình đánh giá HSBG và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện gói cung cấp công việc, khối lượng mời cung cấp nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ kỹ thuật thì bên mời nhà cung cấp yêu cầu nhà cung

*[Handwritten signature and initials]*

cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSBG chưa có đơn giá thì bên mời nhà cung cấp báo cáo người mua xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ kỹ thuật.

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSBG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt.

#### 4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa BYCBG và HSBG, giữa các nội dung khác nhau trong HSBG có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong HSBG (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói cung cấp;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời nhà cung cấp báo cáo người mua xem xét gửi BYCBG đến nhà cung cấp khác.

### **Mục 12. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn**

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSBG hợp lệ.
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSBG.
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSBG.
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào.
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.
6. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

### **Mục 13. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSBG của nhà cung cấp được lựa chọn

*[Handwritten signatures and initials]*

còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, người mua tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong BYCBG thì người mua sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, người mua sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

3. Người mua phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.

*[Handwritten signature]*

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSBG**

#### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSBG**

##### **1. Kiểm tra HSBG**

- a) Kiểm tra số lượng HSBG;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSBG theo yêu cầu tại Mục 5 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra nội dung HSBG để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSBG.

##### **2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSBG**

HSBG của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSBG;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của BYCBG;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong BYCBG;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp;
- e) Thời gian có hiệu lực của HSBG đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- f) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- g) Nhà cung cấp có HSBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

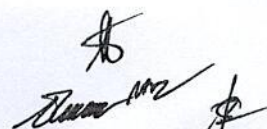
#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Nhà cung cấp cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV trong HSBG.

#### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 1, Mục 2, Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật. Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp.

#### **Mục 4. Xác định giá chào**



Cách xác định giá chào theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 12 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;

**Ghi chú:**

**(1) Sửa lỗi:**

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

**b) Các lỗi khác:**

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong BYCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong BYCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: Sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời nhà cung cấp cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của

*[Handwritten signatures and stamps]*

gói cung cấp sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSBG của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một gói cung cấp trong HSBG của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt của gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp HSBG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

*[Handwritten signature]*

### Chương III BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN CHÀO HÀNG<sup>(1)</sup>

Ngày: \_\_\_\_ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói cung cấp: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói cung cấp theo BYCBG*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_ [*Ghi tên gói cung cấp*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

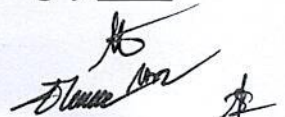
Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói cung cấp*]<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính;
2. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
5. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp;
6. Nhà cung cấp cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.
7. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày<sup>(4)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_



tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (5).

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp<sup>(6)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời nhà cung cấp, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

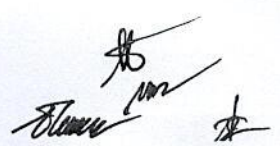
(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của BYCBG.

(5) Ghi ngày đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định của BYCBG.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).



GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói cung cấp [Ghi tên gói cung cấp] do [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với người mua nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [Ghi tên nhà cung cấp]. [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

**Người ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc

*[Chữ ký và dấu]*

nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

0104  
C  
NH  
NAD  
NHÂN  
ĐIỆN  
C  
VONC

St  
Dum  
m  
St

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

Khi tham dự cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp **HSBG** theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì **HSBG** của nhà cung cấp sẽ bị loại.

| Stt       | Nội Dung                                                                      | Yêu cầu kỹ thuật/kết quả đầu ra | Đvt   | Số lượng | Đơn giá trước thuế (đồng/đvt) | Thành tiền trước thuế (đồng) | Thuế 8% (đồng) | Thành tiền sau thuế (đồng) |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------|----------|-------------------------------|------------------------------|----------------|----------------------------|
| 0         | (1)                                                                           | (2)                             | (3)   | (4)      | (5)                           | (6)=(4)*(5)                  | (7)            | (8)=(6)+(7)                |
| <b>I</b>  | <b>DANH MỤC KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ</b>                                             |                                 |       |          |                               |                              |                |                            |
| 1         | Camera quay quét độ phân giải full HD                                         |                                 | Bộ    | 1        |                               |                              |                |                            |
| 2         | Khối điều khiển trung tâm có triết tiêu hồi âm kỹ thuật số & chức năng ghi âm |                                 | Bộ    | 1        |                               |                              |                |                            |
| 3         | Hộp đại biểu cần dài                                                          |                                 | Chiếc | 7        |                               |                              |                |                            |
| 4         | Amplify kèm trộn                                                              |                                 | Chiếc | 1        |                               |                              |                |                            |
| 5         | Loa gắn trần                                                                  |                                 | Chiếc | 6        |                               |                              |                |                            |
| 6         | Bàn trộn âm thanh                                                             |                                 | Chiếc | 1        |                               |                              |                |                            |
| 7         | Cáp nối dài chuyên                                                            |                                 | Sợi   | 1        |                               |                              |                |                            |
| 8         | Bộ xử lý tín hiệu âm thanh số (bộ chống hú)                                   |                                 | Chiếc | 1        |                               |                              |                |                            |
| 9         | Vật tư khác                                                                   |                                 | Gói   | 1        |                               |                              |                |                            |
| <b>II</b> | <b>DANH MỤC KHỐI LƯỢNG DỊCH VỤ</b>                                            |                                 |       |          |                               |                              |                |                            |
| 10        | Lắp đặt cấu hình hệ thống                                                     |                                 | Gói   | 1        |                               |                              |                |                            |
|           |                                                                               |                                 |       |          |                               |                              |                |                            |

**Ghi chú:**

**(2):** Tham chiếu thông tin tại **Chương IV**.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

*(Ký tên và đóng dấu)*

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP**

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói cung cấp: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu BYCBG, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] do \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] phát hành, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết:

- Cam kết đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: [Ghi tên gói cung cấp]

- Cam kết thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng nội dung yêu cầu nêu trong BYCBG được duyệt.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

34-  
TY  
TN  
TKV  
CÔNG  
KV  
ANG

*[Handwritten signature and stamp]*

## CHƯƠNG IV

### YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI CUNG CẤP

#### Mục 1. Nội dung công việc của gói cung cấp

##### 1. Giới thiệu về gói cung cấp

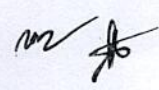
- Tên gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.
- Người mua: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Địa điểm thực hiện gói cung cấp: Tại khu vực Nhà máy Nhiệt điện Na Dương (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày, trong đó:
  - + Tiến độ giao hàng: 20 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
  - + Tiến độ thi công: 10 ngày, kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng/thiết bị cho Bên B.

##### 2. Phạm vi công việc của gói cung cấp

Phạm vi công việc là: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

Nhà cung cấp thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, bao gồm các công việc và khối lượng cụ thể như sau:

| STT      | Nội Dung                              | Yêu cầu kỹ thuật/kết quả đầu ra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>DANH MỤC KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                              |         |
| 1.       | Camera quay quét độ phân giải full HD | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu: DL30; Hãng sản xuất: Aver/ hoặc tương đương.</li> <li>- Độ phân giải: 1080p/60</li> <li>- Tỷ lệ nhiễu (S/N Ratio): &gt;50dB</li> <li>- Zoom quang: 12x</li> <li>- Kết nối, điều khiển camera: IP, USB</li> <li>- Chế độ cân bằng trắng: Tự động, thủ công</li> <li>- Độ nhạy sáng: Tự động, thủ công</li> <li>- Ánh sáng tối thiểu: 0.5 Lux (IRE50, F1.6, 30fps)</li> <li>- Pan : ±170°, Tilt : ±90°</li> <li>- Độ dài tiêu cự: f = 3.9 mm (Wide) to 46.8 mm (Tele)</li> <li>- Chế độ theo dõi: Chế độ diễn giả, chế độ vùng, chế độ kết hợp</li> </ul> | (*)                                                                          | (**)    |




|   |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |      |
|---|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|
|   |                                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý hình ảnh: Noise Reduction (2D/3D), Flip, Mirror, WDR</li> <li>- Các phần mềm hỗ trợ vận hành thiết bị: PTZ control panel, PTZ link, CaptureShare</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |      |
| 2 | Khối điều khiển trung tâm có triết tiêu hội âm kỹ thuật số & chức năng ghi âm | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu: CCSD-CURD; Hãng sản xuất: Bosch/ hoặc tương đương.</li> <li>- Chức năng "Plug &amp; Play" kết nối nhanh chóng và dễ dàng tới 80 hộp micro hội nghị</li> <li>- Điều khiển và cấu hình thiết bị qua giao diện web</li> <li>- Tích hợp chức năng ghi âm cuộc họp chuẩn MP3 với bộ nhớ trong và ghi qua USB</li> <li>- Tích hợp tính năng chống phản hồi âm DAFS</li> <li>- Dải điều chỉnh âm lượng loa tại hộp Micro: 12dB trên mức danh nghĩa</li> <li>- Tốc độ lấy mẫu: 44.1kHz</li> <li>- Hồi đáp tần số (-3dB): 30Hz - 20.000Hz</li> <li>- Số lượng thiết bị hội thảo kết nối tối đa: 80 thiết bị</li> </ul> | (*) | (**) |
| 3 | Hộp đại biểu cần dài                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu: CCSD-DL-EU; Hãng sản xuất: Bosch/ hoặc tương đương.</li> <li>- Chứng chỉ bản quyền tính năng có thể phát biểu với đèn báo hiệu</li> <li>- Chức năng "Plug &amp; Play" rút gọn thời gian lắp đặt và cấu hình hệ thống</li> <li>- Dễ dàng thiết lập chế độ micro đại biểu hoặc chủ tịch</li> <li>- Không ảnh hưởng bởi sóng điện thoại di động</li> <li>- Chiều dài cần micro: 480mm</li> <li>- Hồi đáp tần số: 30Hz đến 20 kHz</li> <li>- Trở kháng tai nghe: 44.1kHz</li> <li>- S/N:&gt;93dBA</li> <li>- THD:&lt;0.5%</li> <li>- Công suất đầu ra loa tối đa: 4W</li> </ul>                                   | (*) | (**) |
| 4 | Amplify kèm trộn                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu: LBB1938/30; Hãng sản xuất: Bosch/ hoặc tương đương.</li> <li>- Công suất đầu ra amply: 480 W / 720 W (danh định/ tối đa)</li> <li>- Công suất nguồn tiêu thụ: 990W (công suất cực đại)</li> <li>- Nguồn pin dự phòng 24VDC+15%/-15%</li> <li>- Dải tần số 50Hz-20kHz (+1/-3dB@-10dB)</li> <li>- Độ méo:&lt;1% tại công suất ra 1kHz</li> <li>- Tỉ số nén trên tạp âm ở mức cực đại: &gt;90dB</li> <li>- Đầu ra loa: 70 V / 100 V/ 8Ω</li> </ul>                                                                                                                                                               | (*) | (**) |
| 5 | Loa gắn trần                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu: MG-12XU; Hãng sản xuất: Yamaha/ hoặc tương đương.</li> <li>- Hồi đáp tần số (-10dB): 100Hz - 15kHz</li> <li>- Công suất: 30W</li> <li>- Trở kháng: 8Ω</li> <li>- SPL (1W/1M): 84 dB</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | (*) | (**) |
| 6 | Bàn trộn âm thanh                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hiệu: CS-430F; Hãng sản xuất: Inter-M/ hoặc tương đương.</li> <li>- Kênh đầu vào: 4 Mono (Mic/Line), 2 Mono/Stereo [MIC/LINE], 2 Stereo [LINE]</li> <li>- Kênh đầu ra: 2 STEREO OUT, 1 MONITOR OUT, 1 PHONES, 2 AUX SEND, 2 GROUP OUT</li> <li>- Hồi đáp tần số: +0.5 dB/-1.5 dB (20 Hz to 48 kHz)</li> <li>- Xuyên âm (1 kHz): -78 dB</li> <li>- Méo hài tổng (THD+N) (Đầu vào đến đầu ra Stereo:</li> </ul>                                                                                                                                                                                                       | (*) | (**) |

*[Handwritten signature]*

|    |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                |     |      |
|----|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|------|
|    |                                             | 0.03% tại 14Db (20Hz đến kHz) núm GAIN tại vị trí Min<br>- Level Meter: 2x12 -segment LED meter [PEAK, +10, +6, +3, 0, -3, -6, -10, -15, -20, -25, -30 dB]<br>- Hiệu ứng tích hợp: 24 chương trình PARAMETER control: 1, FOOT SW: 1 (FX RTN CH on/off)         |     |      |
| 7  | Cáp nối dài chuyên                          | - Mã hiệu: LBB4116/10; Hãng sản xuất: Bosch/ hoặc tương đương.<br>Cáp chuyên dụng dài 10m cho hệ thống Microphone                                                                                                                                              | (*) | (**) |
| 8  | Bộ xử lý tín hiệu âm thanh số (bộ chống hú) | - Mã hiệu: KSP/M5; Hãng sản xuất: DBZ/ hoặc tương đương<br>- Trở kháng đầu ra : 300 banlance ; 1K unbalance<br>- Độ phân giải kênh: 85dB<br>- Chống phản hồi: 4level F.B<br>- Bộ xử lý: 48KHz24-bit<br>- Màn hình hiển thị: 3.2"65. 5K-pixel color LCD Display | (*) | (**) |
| 9  | Vật tư khác                                 | Vật tư phụ kiện để lắp đặt, kết nối các thiết bị trong hệ thống                                                                                                                                                                                                | (*) | (**) |
| II | <b>DANH MỤC DỊCH VỤ</b>                     |                                                                                                                                                                                                                                                                |     |      |
| 10 | Lắp đặt cấu hình hệ thống                   | Hệ thống hoạt động ổn định, chất lượng hình ảnh, âm thanh tốt                                                                                                                                                                                                  |     |      |

(\*) Nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng hóa hàng hóa được chọn đáp ứng thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu để chứng minh bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp;

(*Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà cung cấp cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà cung cấp phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà cung cấp không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời cung cấp yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời cung cấp yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà cung cấp đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật*).

(\*\*) Trường hợp nhà cung cấp đề xuất cung cấp hàng **tương đương** hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà cung cấp phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà cung cấp đề xuất cung cấp tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, kích

*Handwritten signature and stamp*

thước lắp đặt với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về thông số kỹ thuật tại cột “Thông số kỹ thuật của hàng hóa” (kèm theo bảng so sánh chi tiết các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà cung cấp đề xuất cung cấp với hàng hóa được chủ đầu tư/bên mời cung cấp chỉ dẫn tại cột “Thông số kỹ thuật của hàng hóa” để chứng minh sự tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ).

(Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà cung cấp cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà cung cấp phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà cung cấp không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời cung cấp yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời cung cấp yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà cung cấp đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật).

- Nhà cung cấp cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi hàng hóa nhà cung cấp cung cấp gây ra cho các thiết bị/hệ thống của chủ đầu tư sau khi thay thế vật tư, lắp đặt, vận hành chạy thử và trong thời gian bảo hành.

## **Mục 2. Yêu cầu về thời gian thực hiện**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày, trong đó:

- Tiến độ giao hàng: 20 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Tiến thi công: 10 ngày, kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng/thiết bị cho Bên B.

## **Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật**

### **1. Yêu cầu chung**

Nhà cung cấp thực hiện công việc: Khảo sát, đánh giá tư vấn dịch vụ và lập phương án, chào giá dự toán cải tạo phòng họp trực tuyến của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV đảm bảo tuân thủ theo đúng yêu cầu của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV và quy định pháp luật hiện hành của nhà nước Việt Nam.

### **2. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **2.1. Phương án.**

Nhà cung cấp phải Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

#### **2.2. Bảo hành**

- Thời hạn bảo hành đối với vật tư, thiết bị là: 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, đưa thiết bị vào sử dụng;

- Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Nhà máy Nhiệt điện Na Dương.

#### **2.2. Yêu cầu khác**

*(Handwritten signature and stamp)*

Nhà cung cấp phải Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV đảm bảo các yêu cầu tối thiểu như sau:

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi thực hiện công việc;
- Thực hiện đúng nội quy, quy định của Bên mời Nhà cung cấp về công tác an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh công nghiệp và công tác bảo vệ môi trường.

7034-0  
CÔNG TY  
NHIỆT ĐIỆN  
NA DƯƠNG - TKV  
CÔNG TY  
P  
LẠNG

*[Handwritten signature]*  
Nhuận

**Chương V**  
**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

**HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khoá XIII;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (ĐLTKV);

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-NĐND ngày \_\_\_\_/\_\_\_\_/\_\_\_\_ của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV;

- Căn cứ các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Người mua (sau đây gọi là Bên A):**

Tên người mua: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 02053. 844 263

Fax: 02053. 844 132

E-mail: : [naduong@vinacompower.vn](mailto:naduong@vinacompower.vn)

Tài khoản: 3510007744 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn

Mã số thuế: 0104297034 - 001

Đại diện là ông: **Phạm Đức Tuyên**

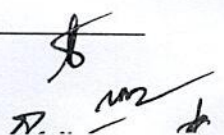
Chức vụ: Giám đốc

**Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà cung cấp [Ghi tên nhà cung cấp được lựa chọn]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_



Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A đề nghị và Bên B đồng ý nhận thực hiện Gói cung cấp: Cung cấp vật tư, dịch vụ lắp đặt phòng họp trực tuyến cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

(Nội dung công việc chi tiết theo như Phụ lục kèm theo).

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Nội dung công việc và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. HSBG của Nhà cung cấp;
5. BYCBG chỉ định nhà cung cấp và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

1. Thực hiện các biện pháp an toàn cần thực hiện công việc và bàn giao thiết bị cho Bên B.

2. Cử người phối hợp kiểm tra, tiếp nhận hàng hoá do bên B cung cấp ngay trong ngày Bên B vận chuyển hàng hóa đến địa điểm bàn giao của Bên A; phối hợp với Bên B trong quá trình lắp đặt, chạy thử...

3. Chủ trì tổ chức tiếp nhận, nghiệm thu hàng hoá do Bên B bàn giao theo đúng lịch Bên B thông báo.

4. Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của Hợp đồng này sau khi Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định cụ thể trong Hợp đồng.

  
 \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

5. Trường hợp Bên A thanh toán cho bên B chậm theo quy định của Hợp đồng thì Bên A sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% giá trị của đợt thanh toán bị chậm cho mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt vì phạm nghĩa vụ thanh toán không vượt quá 8% giá trị của đợt thanh toán bị chậm.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

1. Bên B phải cung cấp toàn bộ vật tư và dịch vụ có liên đảm bảo chất lượng, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật. Chi tiết như Phụ lục đính kèm hợp đồng này.

2. Thực hiện công việc đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, an toàn theo đúng yêu cầu của Bên A và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành có liên quan.

3. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.

#### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: ..... (Bằng chữ: .....).

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán:

- Chuyển khoản qua Ngân hàng.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Thông tin chuyển khoản của Bên B như sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: .....

+ Địa chỉ: .....

+ Số tài khoản: .....

+ Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ.

+ Mã ngân hàng: .....

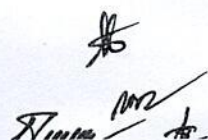
b) Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

c) Số lần thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị thực hiện Hợp đồng (nếu Bên B cung cấp bảo lãnh bảo hành tương đương 3% giá trị Hợp đồng) hoặc thanh toán 97% giá trị thực hiện Hợp đồng (nếu Bên B không cung cấp bảo lãnh bảo hành tương đương 3% giá trị Hợp đồng) trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

d) Chứng từ thanh toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán;

- Biên bản nghiệm thu hàng hoá trước lắp đặt;



- Biên bản nghiệm thu chạy thử;
- Biên bản nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng;
- Bản cam kết nguồn gốc, chất lượng của hàng hoá;
- Hoá đơn tài chính hợp lệ.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** Trọn gói.

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày, trong đó:

- Tiến độ giao hàng: 20 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Tiến thi công: 10 ngày, kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng/thiết bị cho Bên B.

**Điều 8. Điều chỉnh hợp đồng**

1. Việc điều chỉnh hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp điều chỉnh hợp đồng.

**Điều 9. Chấm dứt hợp đồng**

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Bên A có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

- Bên B không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

- Bên B bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Bên A có thể ký hợp đồng với Bên B khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.

b) Bên B có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng sáu mươi (60) ngày trong các trường hợp sau đây:

*[Handwritten signatures and initials]*

- Nếu Bên A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Bên B theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo hợp đồng về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên B về việc quá hạn thanh toán.

- Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Bên B không thể thực hiện được hợp đồng.

## 2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Bên B phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Bên A có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà cung cấp. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Bên B không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Bên A trước đó hoặc sau đó.

## **Điều 10. Bất khả kháng**

1. Bên B không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một Bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các Bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Bên B bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

5. Thời hạn mà một Bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng

*[Handwritten signature]*

này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian Bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

### **Điều 11. Phạt và bồi thường thiệt hại**

#### **1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.**

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng yêu cầu đã nêu trong hợp đồng (không kể trường hợp Bên A yêu cầu) thì Bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0,1% giá trị phần công việc không thực hiện/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại hợp đồng.

#### **2. Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.**

### **Điều 12. Giám sát và nghiệm thu**

Tất cả các công việc do Bên B thực hiện sẽ được Bên A kiểm tra, giám sát thường xuyên trong quá trình triển khai công việc và được nghiệm thu theo các quy định hiện hành về quản lý chất lượng, bao gồm các bước nghiệm thu sau:

#### **a) Đối với hàng hóa:**

Tất cả các hàng hóa do Bên B cung cấp phải được kiểm tra, nghiệm thu với các nội dung cụ thể như sau:

- Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa:

+ Trước khi bàn giao hàng hóa, Bên B phải cung cấp các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;

+ Hàng hóa được đánh giá là hợp lệ khi có đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với hàng hoá nhập khẩu, Giấy chứng nhận chất lượng (CQ);

+ Đối với hàng hoá có đơn giá dưới 10 (mười) triệu đồng và tổng giá trị hàng hoá đó không quá 50 triệu đồng yêu cầu cung cấp Bản gốc cam kết chất lượng, xuất xứ của hàng hoá do nhà thầu phát hành.

- Kiểm tra chất lượng hàng hóa:

+ Khi bàn giao hàng hóa, các bên có liên quan cùng tiến hành kiểm tra chất lượng của từng hàng hóa. Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng về chất lượng so với quy định của hợp đồng khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

++) Hàng hóa chưa qua sử dụng, mới 100%, được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị biến dạng;

++) Hàng hóa phải đáp ứng theo danh mục hàng hóa và đặc tính, thông số kỹ thuật tương ứng được ghi trong hợp đồng và các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng.

+ Trong trường hợp Bên A có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa do Bên B cung cấp không đáp ứng đúng theo hợp đồng đã ký thì Bên B phải có trách

*[Handwritten signature and initials]*

nhiệm thuê 01 đơn vị có chức năng giám định chất lượng hàng hóa do Bên B cung cấp, mọi chi phí phát sinh (nếu có) do Bên B chi trả.

- Nghiệm thu, tiếp nhận hàng hóa:

Bên A chỉ đồng ý nghiệm thu, tiếp nhận các hàng hóa khi đáp ứng được các yêu cầu quy định mục a và mục b nêu trên.

b) Đối với phần dịch vụ:

- Nghiệm thu công việc: Áp dụng với từng công việc do nhà thầu thực hiện theo từng nội dung công việc như phụ lục kèm theo.

- Nghiệm thu kỹ thuật: Áp dụng khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu và thiết bị đủ điều kiện chạy thử;

- Nghiệm thu chạy thử: Áp dụng cho toàn hệ thống, chạy thử trong 72 giờ.

- Nghiệm thu hoàn thành: Áp dụng cho toàn hệ thống sau khi được nghiệm thu chạy thử.

### **Điều 13. Quy định về bảo hành**

#### **a) Yêu cầu về thời gian bảo hành**

- Thời hạn bảo hành đối với vật tư, thiết bị là: 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu, đưa thiết bị vào sử dụng;

- Thời gian thực hiện công tác sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất không quá 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên A.

- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi ký biên bản nghiệm thu, Bên B phải nộp cho Bên A thư bảo lãnh bảo hành do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hợp pháp tại Việt Nam phát hành với giá trị bằng 3% tổng giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là: .....VNĐ (Bằng chữ: ..... đồng). Thư bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày phát hành.

#### **b) Yêu cầu về nội dung công tác bảo hành**

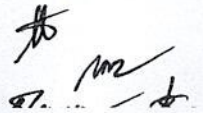
Trong thời gian bảo hành có bất kỳ khiếm khuyết nào Bên B phải sửa chữa lại đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng.

Trong trường hợp Bên B không thực hiện trách nhiệm bảo hành hoặc thực hiện nhưng không đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng theo quy định, để đảm bảo sản xuất, Bên A sẽ thực hiện công tác sửa chữa hoặc mua mới vật tư thì Bên B phải chịu chi phí sửa chữa và mua vật tư đó, kể cả chi phí đó vượt giá trị bảo lãnh bảo hành.

### **Điều 14. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai Bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian tối đa 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào



cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Phán quyết của Tòa án có thẩm quyền. Trong thời gian chờ đợi phân xử của Tòa án, Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm thực hiện công việc theo đúng tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì trệ đối với từng công việc. Nếu không thực hiện quy định trên mà gây ảnh hưởng tới quá trình sản xuất của Bên A thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện.

**Điều 15. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**

*[Handwritten signatures and initials]*

**PHỤ LỤC**  
**CHI TIẾT NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

Gói cung cấp: Khảo sát, đánh giá tư vấn dịch vụ và lập phương án, chào giá dự toán cải tạo phòng họp trực tuyến của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

| STT | Nội Dung                    | Yêu cầu kỹ thuật/kết quả đầu ra | Đvt | Số lượng | Mã sản phẩm | Nguồn gốc xuất xứ | Đơn giá trước thuế<br>(đồng/đvt) | Thành tiền trước thuế<br>(đồng) | Thuế 8%<br>(đồng) | Thành tiền sau thuế<br>(đồng) |
|-----|-----------------------------|---------------------------------|-----|----------|-------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------|-------------------------------|
| 0   | (1)                         | (2)                             | (3) | (4)      | (5)         | (6)               | (7)                              | (8) = (4) * (7)                 | (9)               | (10) = (8) + (9)              |
| I   | DANH MỤC KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ  |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     |                             |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     | .....                       |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     | .....                       |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     | .....                       |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     |                             |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
| II  | DANH MỤC KHỐI LƯỢNG DỊCH VỤ |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     | .....                       |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     | .....                       |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     |                             |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |
|     | TỔNG CỘNG (I+II)            |                                 |     |          |             |                   |                                  |                                 |                   |                               |

Thủ trưởng  
 KT  
 .....